

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý I - Năm 2011

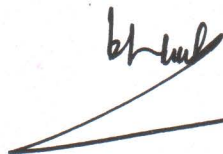
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I Năm nay	Quý I Năm trước	Lũy kế năm nay	Lũy kế năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	438.743.529.941	320.093.452.521	438.743.529.941	320.093.452.521
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	17.850.000	-	17.850.000	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	438.725.679.941	320.093.452.521	438.725.679.941	320.093.452.521
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	288.811.525.323	205.241.285.874	288.811.525.323	205.241.285.874
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		149.914.154.618	114.852.166.647	149.914.154.618	114.852.166.647
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	15.603.465.926	6.121.195.554	15.603.465.926	6.121.195.554
5. Chi phí tài chính	22	VI.4	5.731.604.010	4.370.563.784	5.731.604.010	4.370.563.784
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4.367.800.360	2.485.534.173	4.367.800.360	2.485.534.173
6. Chi phí bán hàng	24	VI.5	5.010.516.421	5.961.332.342	5.010.516.421	5.961.332.342
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	27.272.108.270	19.356.534.015	27.272.108.270	19.356.534.015
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		127.503.391.843	91.284.932.060	127.503.391.843	91.284.932.060
9. Thu nhập khác	31	VI.7	58.436.542	154.198.068	58.436.542	154.198.068
10. Chi phí khác	32	VI.8	218.902.369	63.249.966	218.902.369	63.249.966
11. Lợi nhuận khác	40		(160.465.827)	90.948.102	(160.465.827)	90.948.102
12. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong Công ty liên kết	41		(934.434.254)	(435.761.331)	(934.434.254)	(435.761.331)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		126.408.491.762	90.940.118.831	126.408.491.762	90.940.118.831
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		33.305.072.842	22.810.758.348	33.305.072.842	22.810.758.348
15. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(2.144.036.400)	-	(2.144.036.400)	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		95.247.455.320	68.129.360.483	95.247.455.320	68.129.360.483
17. Lợi ích cổ đông thiểu số	70		167.375.442	148.066.514	167.375.442	148.066.514
18. Lợi ích của Công ty	80		95.080.079.878	67.981.293.969	95.080.079.878	67.981.293.969

Người lập biểu



Lê Trung Kiên

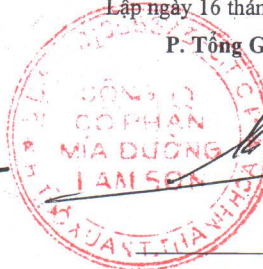
Kế toán trưởng



Lê Thị Huệ

Lập ngày 16 tháng 05 năm 2011

P. Tổng Giám đốc




Lê Thanh Tùng